

Số: 172 a/KH – THCS BTĐB

An Lạc, ngày 24 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

VỀ VIỆC THU – CHI TIỀN HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

Năm học: 2025– 2026

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ về Quy định về cơ chế quản lý thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Nghị định số 97/2023/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND);



Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026;

Căn cứ công văn số 1888/2025/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở giáo dục và đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn giảm, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 1619/SGDĐT-KHTC ngày 20 tháng 08 năm 2025 của Sở giáo dục và đào tạo Về hướng dẫn lựa chọn nội dung trong chương trình của nhà trường từ năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Hướng dẫn liên sở 1332/HDLS/BHXH-GDĐT ngày 004 tháng 09 năm 2025 của BHXH TP.Hồ Chí Minh về mức đóng BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 735/UBND ngày 08 tháng 09 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức, và lực lượng vũ trang;

Căn cứ văn bản số 1379/UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc v/v thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục công lập thuộc phường năm học 2025 – 2026;

Trường THCS Bình Trị Đông B xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung thu chi, mức chi và thời gian thu đối với các khoản thu năm học 2025-2026:

A. NỘI DUNG THU VÀ MỨC THU – CHI :

	Nội dung	Mức thu	Số tháng/ học kỳ/ năm học/năm/ Bộ	Nội dung và định mức dự chi
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục			
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	180.000 đồng/tháng/hs	9	- Nộp 10% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công, Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).
2	Dịch vụ Khám sức khoẻ ban đầu	28.500 đ /hs/năm học	1	- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. -Thanh toán cho nhà cung cấp
3	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (Đối với lớp có nhu cầu sử dụng máy lạnh nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê)			
	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng máy lạnh nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	95.000đ/hs/tháng (bán trú) 50.000đ/hs/t háng (lớp 1 buổi)	9	- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. -Thanh toán cho nhà cung cấp - Thanh toán tiền điện
4	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số			
	Sổ Liên lạc điện tử , học bạ điện tử, điểm danh khuôn mặt	25.000 đ/hs/tháng	9	- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. -Thanh toán cho nhà cung cấp
II	Các khoản thu tổ chức chương trình nhà trường			
1	Học phí	Miễn học phí	9	- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công, Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ

				cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương,
2	Buổi 2	Chưa thực hiện	9	- Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương,
3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (K6,7)	230.000 đồng/ học sinh/tháng	9	-Chi phí đào tạo trả cho Công ty theo hợp đồng ký kết - Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).
4	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu , nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi, ...	158.000 đồng/ học sinh/ tháng	9	-Chi phí đào tạo trả cho Công ty theo hợp đồng ký kết - Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).

5	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống (K6,7)	90.000 đồng/ học sinh/tháng	9	<ul style="list-style-type: none"> -Chi phí đào tạo trả cho Công ty theo hợp đồng ký kết - Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).
6	Tiền tổ chức giáo dục Stem (K6,7)	90.000 đồng/ học sinh/tháng	9	<ul style="list-style-type: none"> -Chi phí đào tạo trả cho Công ty theo hợp đồng ký kết - Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).



 NG

 C C S

 D O N G B

 H N

7	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (lớp 6.4-6.13; lớp 7.1-7.10)	100.000 đồng/học sinh/tháng	9	<ul style="list-style-type: none"> -Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. - Chi tiền dạy cho Giáo viên trực tiếp giảng dạy. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).
8	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030. (K6,K7)	190.000 đồng/ học sinh/tháng	9	<ul style="list-style-type: none"> -Chi phí đào tạo trả cho Công ty theo hợp đồng ký kết - Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).

9	Tiền tổ chức các lớp học theo đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng anh tích hợp chương trình Anh và Việt Nam"	10.800.000 đồng/ học sinh/ quý (Lớp 6.2)	3	<ul style="list-style-type: none"> -85% Học phí trả cho Công ty theo hợp đồng ký kết - 15% còn lại: + Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. + Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. +Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi phí quản lý chương trình của nhà trường. + Chi quản lý, tổ chức mua sắm tài liệu để phục vụ đề án "Chương trình Tiếng Anh Tích hợp". + Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).
10	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	650.000 đồng/ học sinh/ tháng (Lớp 6.2+6.3)	9	<ul style="list-style-type: none"> -Chi phí đào tạo trả cho Công ty theo hợp đồng ký kết - Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu. - Trích khấu hao tài sản từ 1% đến 1,5% trên tổng thu. - Doanh thu còn lại chi trả cho các hoạt động theo thứ tự ưu tiên sau: + Chi trả tiền công ,Chi trả tiền điện, nước, internet, cước điện thoại, rác theo số thực tế phát sinh, hoặc hỗ trợ sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị chuyên môn nhà trường, chi trả hỗ trợ cho cty vận hành.Trích khấu hao tài sản.Số thực còn lại trích cải cách tiền lương, chi quản lý thu chi theo học kỳ hoặc năm tài chính (gồm 2 học kỳ/năm).
III Các khoản thu tổ chức dịch vụ cho cá nhân học sinh				
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	180.000 đồng/ năm học/ hs (Các lớp bán trú)	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp 2% thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng thu.Thanh toán tất cả cho nhà cung cấp - Thanh toán tất cả cho nhà cung cấp
2	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	135.000đ - 290.000đ/hs /bộ	Theo nhu cầu học sinh	Thanh toán tất cả cho nhà cung cấp

3	Học phẩm	50.000 đ/hs/năm học)	1	Thanh toán tất cả cho nhà cung cấp
4	Tiền suất ăn trưa bán trú	35.000 đồng/hs/ngà y	Theo số ngày thực tê	Thanh toán tất cả cho nhà cung cấp
5	Nước uống	15.000đ/hs/t háng (lớp 1 buổi). 20.000 đ/hs/tháng (lớp bán trú)	9	Thanh toán tất cả cho nhà cung cấp
6	Tiền trông giữ xe học sinh	2.000 đồng/xe/ lượt	Theo thực tê phát sinh	Thanh toán tất cả cho nhà cung cấp dịch vụ trông giữ xe học sinh
7	Bảo hiểm y tế HS	631.800 đ/hs/năm	1	Thanh toán tất cả tiền BHYT cho BHXH cơ sở An Lạc

B. THỜI GIAN THỰC HIỆN THU:

I. Đối với các khoản thu theo năm:

- Trong khi chờ đợi sự thống nhất và phê duyệt của Hội đồng nhân dân Phường An Lạc, nhà trường sẽ tổ chức tạm thu các khoản cần thiết để tránh tình trạng thu gộp nhiều khoản cùng một thời điểm. Cụ thể như sau:
- **Bảo hiểm y tế học sinh:** Tạm thu vào tháng 09/2025 Tuần từ 22/9/2025-26/9/2025
- Các khoản còn lại: **Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu; Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú; tiền học phẩm:** Đến khi nào có văn bản phê duyệt của cấp trên về các khoản thu thì trường sẽ tiến hành thu và sẽ có thông báo bằng văn bản. Dự kiến trong tháng 10/2025.

II. Đối với các khoản thu theo tháng:

- Trong khi chờ đợi sự thống nhất và phê duyệt của Hội đồng nhân dân Phường An Lạc, nhà trường sẽ tổ chức tạm thu các khoản cần thiết để tránh tình trạng thu gộp nhiều khoản cùng một thời điểm. Cụ thể như sau:
- Tạm thu tiền suất ăn bán trú tháng: 09/2025 Tuần từ 22/9/2025-26/09/2025.
- Các khoản còn lại : Dự kiến sẽ thu vào đầu mỗi tháng từ 1 tây đến 10 tây hàng tháng.

III. Chế độ miễn giảm:

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ về Quy định về cơ chế quản lý thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

IV. Về thanh toán không dùng tiền mặt:

Thực hiện yêu cầu tại Công điện số 124/CĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt.

Thực hiện theo Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 2 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai Kế hoạch số 1273/KH-SGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai Chương trình chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 – 2025 và Công văn số 1402/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 3 năm 2023 về tổ chức triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Nghiên cứu kỹ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thu - chi các cấp triển khai.
- Thông báo đầy đủ các Văn bản chỉ đạo hướng dẫn về công tác thu - chi tới CB, GV, NV phụ huynh học sinh nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch thu - chi, tổ chức họp liên tịch, họp hội đồng họp ban thường trực ban đại diện CMHS nhà trường thống nhất thu chi, lập dự toán thu - chi.
- Chịu trách nhiệm trước các cấp về công tác thu - chi của nhà trường.

2. Trách nhiệm của Kế toán:

- Lập hồ sơ thu - chi của nhà trường.
 - Thông báo thu - chi tới phụ huynh các khoản thu đã được UBND phường phê duyệt.
- Thu theo đúng các khoản thu theo quy định và thời gian theo kế hoạch.

- Nắm rõ các văn bản chỉ đạo thu - chi để thực hiện đúng nguyên tắc thu chi theo đúng quy định.

- Lập kế hoạch dự toán thu - chi, thực hiện quản lý thu - chi đúng quy định.

3. Trách nhiệm của Thủ quỹ:

- Thực hiện đúng văn bản chỉ đạo hướng dẫn thu - chi các cấp triển khai.

- Thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, thực hiện thu - chi. Quản lý thu - chi theo đúng qui định.

- Phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn thu đúng đối tượng, đúng khoản thu.

- Theo dõi tiến độ thu, nhắc nhở học sinh chậm đóng tiền, đảm bảo thu đủ và đúng thời gian theo kế hoạch

4. Trách nhiệm của GVCN:

- Nghiên cứu kỹ và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn về thu - chi tới PHHS của lớp.

- Thông báo rõ các khoản thu - chi theo quy định tới phụ huynh học sinh.

- Theo dõi, đôn đốc học sinh và nhắc nhở học sinh và thông báo PHHS thực hiện đóng các khoản thu như kế hoạch đề ra.

5. Trách nhiệm của PHHS:

- Nắm rõ các văn bản chỉ đạo hướng dẫn các khoản thu - chi.

- Phụ huynh thống nhất thoả thuận thu chi, thực hiện đóng các khoản thu theo đúng quy định. Đảm bảo đúng thời gian quy định của nhà trường.

Trên đây là kế hoạch triển khai các khoản thu – chi đầu năm học 2025-2026 của trường THCS Bình Trị Đông B, đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận :

- CBQL, Trang Web, Thông báo;
- GVCN lớp; KT, TQ;
- Lưu :VT.

HIỆU TRƯỞNG


Hồ Thanh Danh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN LẠC**

Số: 1379 /UBND
V/v thu, sử dụng học phí
và các khoản thu khác của cơ sở
giáo dục công lập thuộc phường
năm học 2025 - 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Lạc, ngày 22 tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Trường phòng Văn hóa – Xã hội phường;
- Trường phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường;
- Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học,
trung học cơ sở công lập trên địa bàn phường.

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa – Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Quy định các khoản và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ;

Căn cứ Thông báo số 1358/TB-UBND ngày 20/10/2025 của Ủy ban nhân dân phường về nội dung kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân phường tại cuộc họp ngày 20 tháng 10 năm 2025 về khung mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các hoạt động khác của các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-1026;

Ủy ban nhân dân phường An lạc hướng dẫn các khoản thu, mức thu; thực hiện chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2025 – 2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn phường, cụ thể như sau:

I. Về các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND)

1. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND (Phụ lục 1)

- Các mức thu quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND là mức thu tối đa. Căn cứ tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và nhu cầu của học sinh, cơ sở giáo dục tổ chức thống nhất với cha mẹ học sinh mức thu cụ thể nhưng không vượt quá mức thu quy định tại Nghị quyết này và *không được cao hơn 15% so với mức thu đã thực hiện trong năm học 2024 - 2025.*

- Các nội dung và mức thu đảm bảo có tính kế thừa đã tổ chức hướng dẫn thực hiện theo quy định từ năm học 2024 – 2025. Trường hợp các trường học có kế hoạch tổ chức cung cấp thêm dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục mới (chưa phát sinh trong năm học 2024 – 2025) thì các khoản thu này phải được khảo sát, lấy ý kiến thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện. Hiệu trưởng các trường chủ động xây dựng dự toán thu – chi để tính toán mức thu cụ thể, bảo đảm bù đắp chi phí trong phạm vi khung mức thu do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định. Mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục phải tương xứng với chất lượng dịch vụ cung cấp cho người học và phải phù hợp với căn cứ, nguyên tắc, phương pháp định giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật về giá.

- Lưu ý một số nội dung như sau:

+ Các cơ sở giáo dục thực hiện đúng tên gọi các khoản thu theo quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND.

+ Phân biệt đúng khoản thu “Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn – mục 3) với khoản thu “Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn) – mục 4”.

+ Đối với khoản thu “Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh - Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê” (mục 6.2): các cơ sở giáo dục căn cứ điều kiện cơ sở vật chất thực tế tại đơn vị và nhu cầu sử dụng máy lạnh của cha mẹ học sinh, đơn giá cung cấp dịch vụ để tính toán mức thu cụ thể nhưng không được vượt quá mức thu quy định. Việc thuê máy lạnh phải có sự thống nhất của cha mẹ học sinh và thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác (Phụ lục 2)

- Thực hiện theo Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định: “7. Cơ sở giáo dục được quyết định các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả”.

- Các cơ sở giáo dục công lập trực tiếp quyết định các hoạt động giáo dục trong chương trình nhà trường đảm bảo đúng quy định và theo hướng dẫn tại Công văn số 1888/SGDDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các nội dung và mức thu đảm bảo có tính kế thừa đã tổ chức hướng dẫn thực hiện theo quy định từ năm học 2024-2025, Ủy ban nhân dân phường An Lạc yêu cầu các cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để chủ động xây dựng dự toán thu - chi cho từng nội dung thu làm căn cứ tính toán mức thu cụ thể, đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ và sử dụng các khoản thu đúng mục đích; thực hiện công khai kế hoạch thu - chi của từng khoản thu đến phụ huynh học sinh trước khi thực hiện. *Mức thu đảm bảo tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo.*

3. Cơ chế quản lý và sử dụng các khoản thu

- Trên cơ sở danh mục các khoản thu được quy định: các trường học công lập căn cứ vào tình hình thực tế, điều kiện cơ sở vật chất và nhu cầu của học sinh để xây dựng dự toán thu, chi cho từng nội dung thu, làm cơ sở cho việc tính toán mức thu cụ thể đảm bảo nguyên tắc thu đủ, chi đủ, phù hợp với tình hình thực tế năm học.

- Khi xây dựng dự toán căn cứ nội dung theo các hướng dẫn chuyên môn của ngành giáo dục về thực hiện các chương trình dạy học, chương trình ngoại khóa và các nội dung khác theo quy định (đính kèm chi tiết hướng dẫn theo từng

bậc học Phụ lục 3-4-5-6 theo Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 26/9 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh) trong đó cần lưu ý một số nội dung cụ thể như sau:

+ Đề nghị các cơ sở giáo dục công lập không được thay đổi tên và phát sinh bất kỳ nội dung thu nào ngoài các danh mục được quy định tại Công văn này.

+ Về Dự toán thu, chi đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác (không bao gồm học phí): phải xây dựng Dự toán trước khi thông báo công khai mức thu cho cha mẹ học sinh, các khoản thu này phải được thống nhất với cha mẹ học sinh trước khi triển khai thực hiện.

+ Đơn vị phát hành biên lai thu tiền, hóa đơn cho học sinh khi thu tiền và lưu ý giãn thời gian thực hiện các khoản thu, không tổ chức thu gộp nhiều khoản trong cùng một thời điểm.

- Thời gian thu phải đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học nhưng không vượt quá khung thời gian quy định do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định về Kế hoạch thời gian năm học của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các cơ sở giáo dục công lập có chế độ miễn, giảm phù hợp đối với trẻ em, học sinh thuộc diện chính sách hoặc có hoàn cảnh khó khăn.

II. Đối với các khoản huy động tài trợ, ủng hộ tự nguyện và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tiếp tục thực hiện quy định tại Công văn số 1427/UBND-VX ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 2466/SGDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc tiếp nhận tài trợ cho các cơ sở giáo dục và kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; Công văn số 764/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

3. Về thẩm quyền tổ chức thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân: thực hiện theo Điều 15 của Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

III. Về công tác hạch toán và thực hiện nghĩa vụ thuế

1. Về hạch toán kế toán: Thực hiện theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

2. Về thực hiện nghĩa vụ thuế: Thực hiện kê khai, nộp thuế đối với khoản thu từ học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu dịch vụ khác theo đúng quy định của pháp luật thuế.

IV. Về chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các chế độ, chính sách khác

1. Từ năm học 2025-2026 thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội.

2. Tiếp tục thực hiện chế độ hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học bổng và các chế độ chính sách khác của Chính phủ và các bộ ngành cho đến khi có văn bản điều chỉnh, sửa đổi theo quy định.

3. Thực hiện giải quyết chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng chính sách cho người học trong các cơ sở giáo dục được quy định tại Điều 35, Điều 36 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025. Trong đó lưu ý việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho người học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học tư thục, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế do Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

V. Về thanh toán không dùng tiền mặt

1. Thực hiện yêu cầu tại Công điện số 124/CD-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt;

2. Thực hiện Quyết định số 4579/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu trong thanh toán không dùng tiền mặt đối với việc thu học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục và Kế hoạch số 4066/KH-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025.

3. Yêu cầu 100% các trường học công lập thuộc phường thực hiện kết nối với các hệ thống thanh toán được cấp phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hệ thống thanh toán của cơ sở giáo dục phải bảo đảm tuân thủ các quy định, hướng dẫn hiện hành của Nhà nước về trao đổi dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Lưu ý các yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4. Yêu cầu phải đa dạng hóa các kênh thanh toán, không tạo lợi thế cho bất kỳ một ngân hàng hay đơn vị trung gian thanh toán nào; tạo mọi điều kiện để cha mẹ học sinh, người học có nhiều sự lựa chọn và thuận tiện trong thanh toán học phí và các khoản thu dịch vụ giáo dục khác.

5. Đặc biệt lưu ý lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thanh toán có mức phí thấp nhất hoặc không thu phí để giới thiệu đến cha mẹ học sinh, người học; thực hiện công khai bằng nhiều hình thức về mức phí sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đồng thời hướng dẫn cách thức thực hiện trên bảng hướng dẫn của nhà trường, phiếu thông báo các khoản thu hàng tháng..., từ đó cha mẹ học sinh, người học có thể lựa chọn theo nhu cầu. Bên cạnh đó, cung cấp đầy đủ thông tin các ngân hàng, các đơn vị trung gian thanh toán đang tham gia triển khai tốt dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt để cha mẹ học sinh, người học an tâm khi sử dụng.

VI. Về công khai các khoản thu

1. Các trường học công lập thuộc phường thực hiện công khai về cam kết đầy đủ chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất và mức thu học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Tất cả các khoản thu phải được các đơn vị thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh, học sinh, sinh viên; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh, sinh viên, không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Đối với các trường học công lập thuộc phường:

- Triển khai các khoản thu thực hiện đúng về nội dung, khung mức thu, mục đích thu; mức thu không cao mức thu đã thỏa thuận với cha mẹ học sinh và không cao hơn 15% so với mức thu năm học 2024 - 2025. Không được phát sinh bất kỳ khoản thu nằm ngoài quy định. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân phường nếu để phát sinh các khoản thu nằm ngoài quy định.

- Sử dụng các khoản thu phải đúng mục đích thu, công khai kế hoạch thu – chi của từng khoản thu đến cha mẹ học sinh trước khi tổ chức thực hiện và thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Danh mục các khoản thu phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ, tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định, mở sổ sách kế toán, sử dụng, quản lý chứng từ, tổ chức hạch toán, theo dõi riêng đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác doanh thu và phân bổ đầy đủ, chính xác chi phí đối với từng hoạt động; phải đăng ký, kê khai, nộp đủ thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo tài chính đúng, kịp thời với các cơ quan quản lý theo phân cấp.

- Thực hiện công khai về cam kết đầy đủ chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện cơ sở vật chất và mức thu học phí, các khoản thu khác, phương thức và thời gian thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 19/07/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính. Tất cả các khoản thu phải được các đơn vị thông báo đầy đủ, công khai bằng văn bản đến phụ huynh, học sinh, sinh viên; bộ phận tài vụ của nhà trường thực hiện thu tiền, phát hành biên lai, hóa đơn thu tiền cho từng học sinh, sinh viên, không giao cho giáo viên trực tiếp thu, chi tiền và đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ quản lý tài chính theo quy định.

- Đối với kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 55/2011/TT-BTC-BGGĐT ngày 20 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt theo Công điện số 124/CD-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và hướng dẫn tại Công văn số 1888/SGDĐT-KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phòng Văn hóa – Xã hội phường

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác; Kiểm soát không được phát sinh bất kỳ khoản thu nằm ngoài quy định tại Công văn này.

- Phối hợp Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường hướng dẫn nếu có khó khăn, vướng mắc đối với các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu khác đầu năm học. Chịu trách nhiệm hướng dẫn các trường tổ chức lấy ý kiến thống nhất của cha mẹ học sinh để tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác, kiểm tra, giám sát tình hình thu chi đầu năm học tại các cơ sở giáo dục trực thuộc, kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân phường chấn chỉnh tình trạng thu các khoản thu không đúng quy định.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội phường hướng dẫn, kiểm tra việc thu, sử dụng, quyết toán các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn hàng năm theo quy định.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ sở giáo dục và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm túc. / *lma*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường;
- TT UBND phường;
- VP HĐND-UBND phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Thị Cẩm Tú

PHỤ LỤC 1
CÁC KHOẢN THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG An Lạc
NĂM HỌC 2025 – 2026
(Định kèm Công văn số 1379 /UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mầm non		Tiểu học		Trung học cơ sở		
			Mức thu tối đa năm học 2025-2026	Mức thu theo Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND	Mức thu tối đa năm học 2025-2026	Mức thu theo Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND	Mức thu tối đa năm học 2025-2026	Mức thu theo Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	460.000	550.000	350.000	350.000	180.000	300.000	1
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	100.000	220.000	-	-	-	-	
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/giờ	12.000	12.000	-	-	-	-	
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/ngày	80.000	128.000	-	-	-	-	
5	Dịch vụ khám sức khỏe ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	70.000	70.000	30.000	60.000	28.500	50.000	2
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)								
6.1	Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	đồng/học sinh/tháng	40.000	50.000	40.000	45.000	35.000	35.000	
6.2	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	đồng/học sinh/tháng	90.000	110.000	95.000	110.000	95.000	95.000	3
7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	20.000	110.000	29.000	110.000	25.000	110.000	4
8	Dịch vụ đưa rước trẻ, học sinh bằng ô tô	đồng/học sinh/km	-	-	-	-	-	-	
8.1	Tuyến đường dưới 5km	đồng/học sinh/km	-	-	-	-	-	-	
8.2	Tuyến đường từ 5km trở lên	đồng/học sinh/km	-	-	-	-	-	-	

Ghi chú: Tất cả các khoản thu tại phụ lục này đơn vị phải xây dựng Dự toán Thu-Chi theo quy định.

PHỤ LỤC 2
CÁC NỘI DUNG THU VÀ MỨC THU ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC
CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG An Lạc NĂM HỌC 2025-2026
(Định kèm Công văn số 3379 /UBND ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường)

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu tối đa năm học 2025 - 2026		
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác				
1	Tiền tổ chức dạy Tin học	đồng/học sinh/tháng	-	-	-
1.1	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn (Đối với lớp 1, 2 chương trình giáo dục phổ thông 2018)	đồng/học sinh/tháng	-	50.000 (2 tiết/tuần)	-
	Tiền tổ chức dạy các lớp Tin học tự chọn (Đối với lớp 3,4,5 chương trình giáo dục phổ thông 2018)	đồng/học sinh/tháng	-	50.000 (2 tiết/tuần)	-
1.2	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030"			150.000 (2 tiết/tuần)	190.000 (2 tiết/tuần)
2	Tổ chức dạy ngoại ngữ	-	-	-	-
2.1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	đồng/học sinh/tháng	-	-	105.000 (3 tiết/tuần)
	Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ (Đối với lớp 1, 2 thực hiện ngoại ngữ tự chọn)	đồng/học sinh/tháng		150.000 (6 tiết/tuần)	
	Tiền tổ chức dạy tăng cường ngoại ngữ (Đối với lớp 3, 4, 5 thực hiện ngoại ngữ tăng cường)	đồng/học sinh/tháng		150.000 (6 tiết/tuần)	
2.2	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng	195.000 (2 tiết/tuần)	200.000 (2 tiết/tuần)	230.000 (2 tiết/tuần)
2.3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/học sinh/tháng	100.000 (2 tiết/tuần)	200.000 (2 tiết/tuần)	-
2.4	Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	đồng/học sinh/tháng	-	550.000 (2 tiết/tuần)	650.000 (2 tiết/tuần)
2.5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	đồng/học sinh/tháng	-	3.600.000 (8 tiết/tuần)	3.600.000 (8 tiết/tuần)
2.6	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các chứng chỉ quốc tế	đồng/học sinh/tháng	-	-	275.000 (3 tiết/tuần)
3	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục khảo sát làm quen Tiếng Anh cho trẻ Mẫu giáo	đồng/học sinh/tháng	-	-	-
4	Tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	đồng/học sinh/tháng			
4.1	Tiền tổ chức hoạt động giáo dục công dân số	đồng/học sinh/tháng	-	90.000 (1 tiết/tuần)	-
4.2	Tiền tổ chức hoạt động Giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ứng dụng các giải pháp lớp học số với trí tuệ nhân tạo (AI)	đồng/học sinh/tháng			
5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi:	đồng/học sinh/tháng/môn			
5.1	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi: CLB Toán tư duy	đồng/học sinh/tháng/môn	90.000 (2 tiết/tuần)	120.000 (1 tiết/tuần)	-
5.2	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi: Thể dục nhịp điệu		90.000 (2 tiết/tuần)	-	-

5.3	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi: Vẽ (Mỹ thuật)	đồng/học sinh/tháng/môn	90.000 (2 tiết/tuần)	21.000 (2 tiết/tuần)	-	
5.4	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi: võ thuật	đồng/học sinh/tháng/môn	90.000 (2 tiết/tuần)	-	-	
5.5	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	đồng/học sinh/tháng/môn	-	465.000 (1 buổi/tuần)	-	
5.6	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi: Thể dục thể thao (cờ vua, cờ tướng, cầu bong, bóng rổ,...), năng khiếu (múa, hát, vẽ,...)	đồng/học sinh/tháng/môn	-	120.000(1 tiết/tuần)	158.000(1 tiết/tuần)	11
6	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	100.000 (2 tiết/tuần)	85.000 (1 tiết/tuần)	90.000 (1 tiết/tuần)	12
7	Tổ chức Giáo dục STEM					
7.1	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	đồng/học sinh/tháng	100.000 (2 tiết/tuần)	90.000 (1 tiết/tuần)	90.000 (1 tiết/tuần)	13
7.2	Tiền tổ chức Giáo dục STEM song ngữ (Anh-Việt)		-	-	-	
8	Tiền tổ chức nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế	đồng/học sinh/tháng	'1.800.000	'1.375.000	-	
9	Tiền thực hiện Chương trình kích cầu đầu tư		-	-	-	
10	Dịch vụ nhân viên nuôi dưỡng		-	-	-	
II	CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC DỊCH VỤ KHÁC CHO CÁ NHÂN HỌC SINH					
11	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	299.000	230.000	180.000	14
12	Tiền mua sắm đồng phục học sinh	đồng/học sinh/bộ	200.000	350.000	340.000	15
13	Tiền học phẩm - học cụ - học liệu		-	-	-	
13.1	Học phẩm	đồng/học sinh/năm	50.000	23.000	50.000	16
13.2	Học cụ - Học liệu	đồng/học sinh/năm	200.000	-	-	
14	Suất ăn - Nước uống		-	-	-	
14.1	Tiền suất ăn bán trú	đồng/học sinh/ngày	35.000	40.000	35.000	17
14.2	Tiền suất ăn sáng	đồng/học sinh/ngày	12.000	-	-	
14.3	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	20.000	23.000	20.000	18
15	Tiền trông giữ xe học sinh	đồng/xe/lưu	-	-	2.000	19